UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
KINH TẾ - KỸ THUẬT THỦ ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM KÊ TRANG THIẾT BỊ
PHÒNG THỰC HÀNH TIN HỌC 4

Thời điểm kiểm kê :

Ban kiểm kê gồm :

Ông /Bà : Nguyễn Hoàng — Chức vụ : TP.QTTB — Đại diện : phòng Quản trị thiết bị

Ông /Bà : Lưu Ngọc Loan — Chức vụ : Kế toán TS — Đại diện : phòng Tài vụ

Ông /Bà : Bùi Nguyễn Quang Vinh — Chức vụ : Nhân viên — Đại diện : phòng Thực hành

Ông /Bà : Trần Bạch Thanh Thảo — Chức vụ : Nhân viên

PHÒNG A1.7

SỐ TT	TÊN TSCĐ	ĐVT	Mã số TSCĐ	Năm đưa vào sử dụng	Theo sổ theo dõi						Theo kiểm kê						Chênh lệch						Đề xuất xử lý
					Số lượng	Đơn giá	Nguyên giá	Tỉ lệ hao mòn/ năm	Hao mòn	Giá trị còn lại	Số lượng	Đơn giá	Nguyên giá	Tỉ lệ hao mòn/ năm	Hao mòn	Giá trị còn lại	Số lượng	Đơn giá	Nguyên giá	Tỉ lệ hao mòn/ năm	Hao mòn	Giá trị còn lại	
A	B	C	D		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	Bộ xử lý (CPU) I3 7100	Cái		2017	40	3,095,000	123,800,000	20%	99,040,000	24,760,000	40	3,095,000	123,800,000	20%	99,040,000	24,760,000	0	3,095,000	123,800,000	20%	99,040,000	24,760,000	
2	Bo mạch chủ (Mainboard) Gigabyte H110M-DS2	Cái		2017	40	1,830,000	73,200,000	20%	58,560,000	14,640,000	40	1,830,000	73,200,000	20%	58,560,000	14,640,000	0	1,830,000	73,200,000	20%	58,560,000	14,640,000	
3	Bộ nhớ (RAM) 4GB DDR3 1600MHz	Cái		2017	80	650,000	52,000,000	20%	41,600,000	10,400,000	80	650,000	52,000,000	20%	41,600,000	10,400,000	0	650,000	52,000,000	20%	41,600,000	10,400,000	
4	Đĩa cứng (Hard Disk) SSD 120Gb	Cái		2017	40	1,330,000	53,200,000	20%	42,560,000	10,640,000	40	1,330,000	53,200,000	20%	42,560,000	10,640,000	0	1,330,000	53,200,000	20%	42,560,000	10,640,000	
5	Bộ nguồn (PSU) ACBEL 450W	Cái		2017	40	765,000	30,600,000	20%	24,480,000	6,120,000	40	765,000	30,600,000	20%	24,480,000	6,120,000	0	765,000	30,600,000	20%	24,480,000	6,120,000	
6	Vỏ máy (Case) SD	Cái		2017	40	350,000	14,000,000	20%	11,200,000	2,800,000	40	350,000	14,000,000	20%	11,200,000	2,800,000	0	350,000	14,000,000	20%	11,200,000	2,800,000	
7	Màn hình (Monitor) LED 21.5 inch	Cái		2017	40	3,870,000	154,800,000	20%	123,840,000	30,960,000	40	3,870,000	154,800,000	20%	123,840,000	30,960,000	0	3,870,000	154,800,000	20%	123,840,000	30,960,000	
8	Bàn phím (Keyboard)	Cái		2017	40	185,000	7,400,000	20%	5,920,000	1,480,000	40	185,000	7,400,000	20%	5,920,000	1,480,000	0	185,000	7,400,000	20%	5,920,000	1,480,000	
9	Chuột (Mouse)	Cái		2017	40	130,000	5,200,000	20%	4,160,000	1,040,000	40	130,000	5,200,000	20%	4,160,000	1,040,000	0	130,000	5,200,000	20%	4,160,000	1,040,000	
10	Bộ chia mạng (Switch) HP/CISCO 24 1000Mb Unmanager	Cái		2017	2	5,820,000	11,640,000	20%	9,312,000	2,328,000	2	5,820,000	11,640,000	20%	9,312,000	2,328,000	0	5,820,000	11,640,000	20%	9,312,000	2,328,000	
TRANG THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG																							
1	Ghế tựa gỗ	Cái	T03762098-553	2010	1	275,000	275,000	12.5%	275,000	0	1	275,000	275,000	12.5%	275,000	0	0	275,000	275,000	12.5%	275,000	0	
2	Bàn máy tính 1m2	Cái	T03762098-554	2010		1,056,000	-	12.5%	0	0	18	1,056,000	19,008,000	12.5%	19,008,000	0	-18	1,056,000	0	12.5%	0	0	1,2 m
3	Bàn máy tính 1m6	Cái	T03762098-555	2010		1,056,000	-	12.5%	0	0	5	1,056,000	5,280,000	12.5%	5,280,000	0	-5	1,056,000	0	12.5%	0	0	1,6 m
4	Bảng phấn từ	Cái	T03762098-556	2010	1	1,600,000	1,600,000	12.5%	1,600,000	0	1	1,600,000	1,600,000	12.5%	1,600,000	0	0	1,600,000	1,600,000	12.5%	1,600,000	0	VN
5	Bảng kính	Cái		2010	1		-	12.5%	0	0	1	-	0	12.5%	0	0	0	0	0	12.5%	0	0	VN
6	Máy lạnh	Cái		2010	2		-	12.5%	0	0	2	-	0	12.5%	0	0	0	0	0	12.5%	0	0	
7	Tivi 51'	Cái		2010	1		-	12.5%	0	0	1	-	0	12.5%	0	0	0	0	0	12.5%	0	0	
8	Đèn đôi	Bộ		2010			-	12.5%	0	0	12	-	0	12.5%	0	0	-12	0	0	12.5%	0	0	
9	Quạt trần	Cái		2010			-	12.5%	0	0	4	-	0	12.5%	0	0	-4	0	0	12.5%	0	0	
10	Máy chiếu Sanyo	Cái		2010			-	12.5%	0	0	1	-	0	12.5%	0	0	-1	0	0	12.5%	0	0	Thanh lý

SỐ TT	TÊN TSCĐ	ĐVT	Mã số TSCĐ	Năm đưa vào sử dụng	Theo sổ theo dõi						Theo kiểm kê						Chênh lệch						Đề xuất xử lý
					Số lượng	Đơn giá	Nguyên giá	Tỉ lệ hao mòn/ năm	Hao mòn	Giá trị còn lại	Số lượng	Đơn giá	Nguyên giá	Tỉ lệ hao mòn/ năm	Hao mòn	Giá trị còn lại	Số lượng	Đơn giá	Nguyên giá	Tỉ lệ hao mòn/ năm	Hao mòn	Giá trị còn lại	
11	Quạt đứng hali (màu xanh dương đen)	Cái		2008	2		-	12.5%	0	0	2	-	0	12.5%	0	0	0	0	0	12.5%	0	0	- Ký đưa về khoa 23/04/2021 - Lấy từ kho Khoa Điện (PLC)
12	Quạt đứng hali (màu xanh ngọc)	Cái		2008	1		-	12.5%	0	0	1	-	0	12.5%	0	0	0	0	0	12.5%	0	0	- Ký đưa về khoa 23/04/2021 - Lấy từ kho Khoa Điện (PLC)
TỔNG CỘNG					408		527,715,000		422,547,000	105,168,000	448		552,003,000		446,835,000	105,168,000	-40		75,075,000		60,435,000	14640000	

Ngày 30 tháng 12 năm 2021

TP.QTTB	Quản lý	Kế toán TS	Thủ kho	P. Hiệu Trưởng
Nguyễn Hoàng Minh	Bùi Nguyễn Quang Vinh	Lưu Ngọc Loan	Trần Bạch Thanh Thảo	Lê Thị Ngọc Thuần

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT THỦ ĐỨC